

Bản án số: **90/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 06 - 4 - 2023

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ma Thị Như Trang

2. Ông Hoàng Văn Thiết

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 416/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28/12/2022 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Triệu Văn X, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn chị Phùng Thị L có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Triệu Văn X vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phùng Thị L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Văn X kết hôn từ năm 2010. Trước khi kết hôn hai bên được tự tìm hiểu, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 13/12/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng thời

hạnh phúc, nhưng đến tháng 2/2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không thống nhất trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Mặc dù đã được hai bên gia đình và bạn bè khuyên can nhưng hai vợ chồng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung mà ngày càng mâu thuẫn gay gắt nên hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2021 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Triệu Văn X đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên vợ chồng không thể đoàn tụ để tiếp tục duy trì đời sống chung để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành và phát triển kinh tế gia đình được nữa. Do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn X để giải phóng cho hai người đi tìm cuộc sống mới hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Triệu Văn X có 02 con chung là cháu Triệu Thị H, sinh ngày 15/10/2010 và cháu Triệu Minh Ph, sinh ngày 09/3/2013. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Triệu Văn X phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản, đất đai chung; không vay nợ của ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn anh Triệu Văn X không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị L.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và ông Triệu Văn Sinh là bố đẻ của bị đơn anh Triệu Văn X, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị L và anh Triệu Văn X kết hôn với nhau từ năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới vợ chồng chị L, anh X về chung sống tại thôn T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng cách đây khoảng 3 – 4 năm chị L đi làm công nhân, thường xuyên vắng nhà nên vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Chị L và anh X đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Chính quyền địa phương và người thân thích của anh Triệu Văn X xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phùng Thị L và anh Triệu Văn X đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phùng Thị L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Phùng Thị L và anh Triệu Văn X có 02 con chung là cháu Triệu Thị H, sinh ngày 15/10/2010 và cháu Triệu Minh Ph, sinh ngày 09/3/2013.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Vợ chồng chị Phùng Thị L, anh Triệu Văn X không có tài sản, đất đai, vay nợ chung.

Về hộ khẩu thường trú: Kể từ kết hôn chị Phùng Thị L và anh Triệu Văn X đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó chị L đi làm công nhân thường xuyên vắng nhà nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị L không về nhà và sống ly thân với anh X. Hiện tại anh Triệu Văn X đang đi làm thuê tại trang trại chăn nuôi lợn ở tỉnh Vĩnh Phúc, thỉnh thoảng mới về nhà nhưng thường xuyên liên lạc với gia đình. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án chính quyền địa phương đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án sau đó chuyển lại cho người thân trong gia đình, gia đình cũng đã thông báo lại cho anh Liễu biết về việc chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh X và Tòa án triệu tập anh X đến làm việc, tuy nhiên anh X báo lại là đang bận đi làm ăn tại tỉnh Vĩnh Phúc nên không về để đến Tòa án làm việc được, nhưng anh X không thông báo cho gia đình và địa phương biết anh X hiện đang làm gì, ở địa chỉ cụ thể nào tại tỉnh Vĩnh Phúc nên gia đình và địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Phùng Thị L thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Triệu Văn X chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phùng Thị L:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị L được ly hôn với anh Triệu Văn X.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Triệu Thị H, sinh ngày 15/10/2010 và cháu Triệu Minh Ph, sinh ngày 09/3/2013 cho chị Phùng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Triệu Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Nguyên đơn chị Phùng Thị L xác định không có tài sản, đất đai vay nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Phùng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh Triệu Văn X không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Phùng Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Triệu Văn X, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Triệu Văn X có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại gia đình và địa phương cho thấy bị đơn anh Triệu Văn X có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn chị Phùng Thị L đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn anh Triệu Văn X. Anh X đi làm ăn xa nhưng không thông báo tạm trú, tạm vắng cho chính quyền địa phương biết, thỉnh thoảng vẫn về nhà và thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không thông báo địa chỉ mới nên gia đình và địa phương không rõ anh X hiện đang làm gì, ở đâu. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù anh X đã biết được việc chị X khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng anh X không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh X đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Phùng Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phùng Thị L thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Triệu Văn X chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị L và anh Triệu Văn X kết hôn với nhau từ năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải kết hôn và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại thôn T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống

hôn nhân của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó chị L đi làm công nhân thường xuyên vắng nhà thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hàn gắn nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn hỏi han, quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Chị L xác định tình cảm vợ chồng với anh Triệu Văn X đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh X. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phùng Thị L và anh Triệu Văn X đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Phùng Thị L được ly hôn với anh Triệu Văn X là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống chị Phùng Thị L và anh Triệu Văn X có 02 con chung là cháu Triệu Thị H, sinh ngày 15/10/2010 và cháu Triệu Minh Ph, sinh ngày 09/3/2013. Trong Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt chị Phùng Thị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh Triệu Văn X phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Các cháu Triệu Thị H và Triệu Minh Ph cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Ngoài ra, hiện tại anh Triệu Văn X cũng thường xuyên vắng nhà, đi làm ăn xa, không có địa chỉ liên lạc cụ thể. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cả 02 con chung là cháu Triệu Thị H và cháu Triệu Minh Ph cho chị Phùng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Triệu Văn X không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của nguyên đơn thể hiện vợ chồng chị Phùng Thị L và anh Triệu Văn X không có tài sản, đất đai, vay nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phùng Thị L cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Phùng Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn anh Triệu Văn X không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phùng Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị L được ly hôn với anh Triệu Văn X.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Thị H, sinh ngày 15/10/2010 và cháu Triệu Minh Ph, sinh ngày 09/3/2013 cho chị Phùng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Triệu Văn X không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Phùng Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005919, ngày 27/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Ghi nhận chị Phùng Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

Bị đơn anh Triệu Văn X không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phùng Thị L và bị đơn anh Triệu Văn X được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã X (Giấy chứng nhận kết hôn số 90, ngày 13/12/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San